

Từ sách
Định Nhân
HỒ CHÍ MINH

Chuyện VỚI NGƯỜI CHÁU GẦN NHẤT CỦA BÁC HỒ

HỒNG KHANH



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HỒNG KHANH

**Chuyện
với NGƯỜI CHÁU
GẦN NHẤT CỦA
BÁC HỒ**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuộc đời và sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng được nhiều sách, báo trong nước và ngoài nước nêu lên, khác nào như ngôi sao sáng giữa bầu trời xanh, càng nhìn vào càng lung linh, sáng chói.

Cuốn sách này viết về một khía cạnh trong cuộc đời của Bác Hồ thông qua một số mẫu chuyện mà đồng chí Nguyễn Sinh Định - cháu gần nhất của Bác Hồ - kể lại. Qua đó, chúng ta hiểu thêm về cuộc đời Bác, về một vị lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta và dân tộc ta có một phẩm chất tuyệt vời và một tư tưởng nhất quán trong mục đích, hướng đi. Suốt đời hy sinh quên mình cho sự nghiệp cách mạng, cho sự ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Đề tài viết về Bác Hồ là rất phong phú, đa dạng, chúng ta còn có thể khai thác nhiều. Với cuốn sách này, tác giả đã cố gắng khai thác ở góc độ những người thân, họ hàng của Bác kể lại. Đây cũng là

một đóng góp làm cho tủ sách viết về Bác Hồ thêm phong phú.

Do yêu cầu của đông đảo bạn đọc trẻ tuổi trong cả nước, Nhà xuất bản Thanh Niên tái bản có bổ sung cuốn: Chuyện với người cháu gần nhất của Bác Hồ. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Trong chúng ta, ai đã một lần được trực tiếp nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh, hẳn đều coi đó là một vinh dự nhất, kỷ niệm sâu sắc nhất trong đời mình. Riêng Nguyễn Sinh Định có vinh dự đặc biệt là được nói chuyện với Bác Hồ trong quan hệ anh em họ hàng ruột thịt. Bởi lẽ, bố Nguyễn Sinh Định là Nguyễn Sinh Mai. Nguyễn Sinh Mai là con ông Nguyễn Sinh Thuyết⁽¹⁾ - anh ruột của ông Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Hồ Chí Minh. Do đó, Bác Hồ và Nguyễn Sinh Mai có chung ông nội là Nguyễn Sinh Nhậm (tức Nguyễn Sinh Vượng) thuộc thế hệ thứ mười của họ Nguyễn Sinh. Bởi vậy Nguyễn Sinh Định gọi Bác Hồ là chú thúc bá.

Khi Bác Hồ đang trên đường từ Pari đến nước Nga - quê hương Cách mạng Tháng Mười, Nguyễn Sinh Định mới lọt lòng mẹ, cất tiếng chào đời. Hai mươi chín năm sau, nhân Đại hội Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất tổ chức tại chiến khu Việt Bắc, thuộc huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang bây giờ, Nguyễn Sinh Định mới có dịp lần đầu tiên gặp người chú thân yêu của mình.

(1) Còn có tên là Nguyễn Sinh Trọ.

*

* *

Là những người đồng hương Nam Đàn cùng nhiều bạn bè khác đang công tác và về hưu ở Hà Nội, mặc dù đã đọc rất nhiều sách, báo cho biết về quá trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những chúng tôi thường vẫn đến nhà Nguyễn Sinh Định, nhất là vào những dịp mừng kỷ niệm ngày sinh của Bác, yêu cầu Nguyễn Sinh Định kể lại cho bạn bè, con cháu nghe những kỷ niệm sâu sắc, lý thú, bổ ích về vị Cha già kính yêu của dân tộc.

Với giọng nói khi to, khi nhỏ, khi sôi nổi, khi chậm rãi tha thiết, Nguyễn Sinh Định kể:

Một ngày trước khi chính thức khai mạc Đại hội Anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất, nhiều đại biểu các ngành và từ các chiến trường Bắc - Trung - Nam về, đang trò chuyện trước sân hội trường, thì Bác Hồ đến. Mục đích của Bác là đến hỏi thăm sức khỏe, tình hình đi đường, nơi ăn nghỉ của đại biểu và kiểm tra sự chuẩn bị cho Đại hội đến mức nào rồi. Lúc đó, sau sáu năm làm công nhân quân giới và cán bộ thi đua của Bộ Lao động, tôi được điều đến làm nhân viên trong bộ phận phục vụ Đại hội. Thấy Bác, tôi cũng như bao nhiêu người khác đều chạy ùa đến bên Người. Nhưng rồi tôi chẳng biết nói gì, chỉ đứng nhìn. Sau đó tôi phải đi lo công việc hậu cần cho Đại hội. Làm xong một số việc cần thiết, tôi tất tưởi chạy trở lại nơi Bác Hồ và nhiều đại biểu đứng chuyện trò lúc chiều, thì ôi thôi

chẳng còn thấy ai nữa. Mọi người đã về nơi nghỉ. Bóng núi bắt đầu che sẫm các lối đi ven rừng.

Đêm 30 tháng 4 năm 1952, tôi nằm không ngủ được, cứ dẫn đo xoay quanh mấy câu hỏi tự đặt ra: Chẳng lẽ mình là người cháu gần nhất của Bác Hồ mà không thưa với Bác điều gì ư? Gặp Bác thì chào ra sao? Chào chú có hợp không, trong lúc mọi người đều chào Bác? Bác hỏi thì trả lời thế nào? Vân vân và vân vân...

Hết trần trở suy nghĩ, tôi lại nhớ đến những câu chuyện do ông bà, cha mẹ tôi thường kể cho con cháu nghe về cái chí ham học của ông Nguyễn Sinh Sắc, về thuở niên thiếu của Bác Hồ gặp lắm gian nan vất vả. Chuyện là ông Nguyễn Sinh Nhậm có bà vợ mất sớm, để lại cho chồng một người con trai là Nguyễn Sinh Thuyết. Nuôi con đến tuổi trưởng thành và lập gia đình riêng cho con, ông Nguyễn Sinh Nhậm mới lấy vợ kế là bà Hà Thị Hy, con một gia đình nông dân ở làng Mậu Tài, xã Chung Cự (nay thuộc xã Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An). Đến năm Nhâm Tuất (1862), bà Hà Thị Hy sinh con trai, đặt tên là Nguyễn Sinh Sắc. Nhưng Nguyễn Sinh Sắc mới lên ba tuổi đã mồ côi cha, và lên bốn lại mồ côi mẹ. Nguyễn Sinh Sắc đành dựa vào sự nuôi nấng của gia đình người anh cả là Nguyễn Sinh Thuyết. Nhưng gia đình người anh này cũng phải lao động vất vả mới đủ sống. Cho nên lớn lên Nguyễn Sinh Sắc phải tham gia lao động và không được học hành như bạn bè cùng lứa tuổi, hằng ngày chúng được ôm sách đến lớp học của thầy Vương

Thúc Mậu mở tại làng Sen. Với lòng khát khao học tập, mỗi lần đi qua lớp học này, Nguyễn Sinh Sắc thường dành thời gian đứng thập thò ngoài hè lớp nghe thầy Vương Thúc Mậu giảng bài, còn trâu thì được buộc thừng vào gốc tre gần đó chờ. Và khi về nhà, hay ra đồng có thì giờ rảnh là Nguyễn Sinh Sắc lại hí hoáy tập viết vào nền đất hay lá cây. Thấy vậy, bà con trong làng đều khen ngợi.

Một hôm, vào dịp mùa xuân năm Mậu Thìn (1878), ông giáo Hoàng Đường ở làng Chùa sang thăm bạn dạy học là thầy Vương Thúc Mậu ở làng Sen. Trên đường đi qua cánh đồng thấy một cậu bé đang say sưa đọc sách trên lưng trâu, trong lúc đám trẻ quanh đó thì reo hò, chạy nhảy. Ông giáo Hoàng Đường dừng lại, lân la hỏi tên tuổi và gia đình cậu bé đang ngồi trên lưng trâu đọc sách. Nghe xong, động lòng thương, ông giáo Hoàng Đường nảy ra ý định xin Nguyễn Sinh Sắc về nuôi dạy. Ông đến gặp gia đình Nguyễn Sinh Thuyết, bày tỏ ý định ấy. Anh Nguyễn Sinh Thuyết không khỏi phân vân, lưỡng lự về trách nhiệm của mình với người em, nhưng cảm động trước lòng nhân từ cao cả của ông giáo Hoàng Đường, cuối cùng anh đồng ý. Từ đây, Nguyễn Sinh Sắc được gia đình ông giáo Hoàng Đường nuôi cho ăn học.

Gia đình ông giáo Hoàng Đường vào hạng trung lưu. Bà vợ cùng với hai người con gái là Hoàng Thị Loan và Hoàng Thị An vừa làm ruộng vừa dệt vải. Ngôi nhà gỗ năm gian, hai chái, lợp tranh, hai gian ngoài được dành làm nơi dạy học của ông giáo. Do

có lớp học trong nhà, bà vợ và hai con gái cũng biết ít chữ nghĩa.

Sáu năm sau ngày về làng Chùa, Nguyễn Sinh Sắc trở thành một chàng trai khôi ngô, vừa học giỏi, vừa có lễ độ, càng được mọi người yêu mến. Hoàng Thị Loan, con gái đầu lòng của ông giáo Hoàng Đường cũng đã khôn lớn và có duyên. Ông giáo bàn với bà vợ chọn Nguyễn Sinh Sắc làm con rể.

Năm 1883, lễ thành hôn của Hoàng Thị Loan và Nguyễn Sinh Sắc được tổ chức tại làng Chùa. Đôi vợ chồng trẻ được ở riêng trong ngôi nhà tranh ba gian xinh xắn mới dựng bên cạnh nhà cha mẹ. Căn nhà đơn sơ nhưng bao giờ cũng ngăn nắp, sạch sẽ nhờ bàn tay chăm chỉ của người vợ trẻ. Hai người chung sống ở đây đầm ấm với cảnh:

Sáng trăng trải chiếu hai hàng

Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.

Một năm sau ngày cưới, cô Hoàng Thị Loan sinh người con gái đầu lòng đặt tên là Nguyễn Thị Thanh; bốn năm sau đó sinh người con trai đặt tên là Nguyễn Sinh Khiêm; rồi hai năm sau nữa sinh người con trai đặt tên là Nguyễn Sinh Cung, tức là Bác Hồ.

Nguyễn Sinh Cung cất tiếng chào đời khi nước ta đã mất hoàn toàn vào tay thực dân Pháp (sáu năm sau Hiệp ước Pa-tơ-nốt). Dân tộc Việt Nam đứng trước thảm họa diệt vong. Nhiều cuộc nổi dậy chống thực dân Pháp, cứu nước nổ ra nhưng đều thất bại.

Nguyễn Sinh Cung lớn lên trong tình thương yêu đùm bọc của ông bà, cha mẹ, anh chị và dì Hoàng Thị An. Với sự săn sóc ân cần đó, lại được người vợ luôn đảm đang làm tốt nghĩa vụ nuôi chồng, nuôi con chu đáo, ông Nguyễn Sinh Sắc càng có điều kiện ngày đêm “dùi mài kinh sử”. Ông dự thi Hương lần đầu ở Nghệ An, khoa Tân Mão (1891), nhưng chỉ **trúng nhị trường**⁽¹⁾. Không nản chí, Nguyễn Sinh Sắc lại cố gắng học để chờ khoa sau; đồng thời tìm nơi dạy học để có thêm điều kiện dạy con cái. Nhưng được hai năm đang trong không khí gia đình sum vầy, ảm cúng thì ông Hoàng Đường lâm bệnh nặng và qua đời (1893). Nỗi đau buồn tang tóc đó làm đảo lộn sinh hoạt bình thường trong gia đình. Để an ủi mẹ già và đỡ dần vợ con, Nguyễn Sinh Sắc mở lớp dạy học ngay tại nhà (ở hai gian nhà ngoài của mẹ vợ) và càng không ngừng ôn luyện văn chương để chuẩn bị đi thi Hương lần thứ hai. Kết quả khoa thi Hương năm Giáp Ngọ (1894), ông đậu Cử nhân. Rồi đến giữa năm 1895, Nguyễn Sinh Sắc vào Kinh đô Huế dự kỳ thi Hội, song không đậu. Ông lại xin vào học trường Quốc Tử Giám ở Huế. Nhưng vì học bổng ít ỏi, ông phải về quê bàn với vợ cùng vào Huế để tạo điều kiện giúp đỡ ông học tập. Từ đây, Nguyễn Sinh Cung cùng anh ruột Nguyễn Sinh Khiêm theo cha mẹ vào sống ở Huế. Được một thời gian tạm ổn thì gia đình lại gặp phải cảnh éo le, ông

(1) Tại các kỳ thi Hương, thi Hội thời đó, các thí sinh phải trải qua bốn bước: nhất trường, nhị trường, tam trường, tứ trường. Tứ trường là bước cuối cùng để phân định học vị.

Nguyễn Sinh Sắc hổng khoa thi Hội năm 1898. Hổng thi không còn là nho sinh ở trường Quốc Tử Giám, mất luôn cả khoản phụ cấp ít ỏi.

Trước hoàn cảnh gia đình ngặt nghèo như vậy, bà Hoàng Thị Loan càng phải cố gắng thức khuya dậy sớm để dệt vải. Ông Nguyễn Sinh Sắc thì tìm nơi dạy học. Hằng ngày dù bận đến mấy, ông Sắc cũng thường xuyên tranh thủ dạy cho hai con là Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Cung học chữ Hán, và đòi hỏi hai con phải siêng năng học, chữ viết phải chân phương.

Tháng 8 năm Canh Tý (1900), ông Nguyễn Sinh Sắc cùng con trai cả về quê, Nguyễn Sinh Cung ở lại với mẹ tại Huế. Trong lúc ông Sắc vắng nhà, bà Hoàng Thị Loan sinh thêm người con thứ tư và lâm bệnh nặng. Thấy mẹ mê man bất tỉnh, em mới sinh là Nguyễn Sinh Xin thì đang đói sữa, khóc gào, Nguyễn Sinh Cung tất bật chạy đi chạy về kêu cứu bà con, cô bác quanh vùng đến chạy chữa cho mẹ. Nhiều người, kể cả số thầy thuốc giỏi trong vùng vội vàng tìm đến giúp đỡ. Nhưng rồi vẫn không cứu được. Trái tim bà Hoàng Thị Loan đã ngừng đập vào trưa ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý. Lúc đó Nguyễn Sinh Cung - Bác Hồ của chúng ta chưa đầy mười một tuổi.

Hay tin vợ mất, ông Nguyễn Sinh Sắc lập tức trở vào Huế. Ông đau đớn xót xa, thương tiếc vô cùng người vợ yêu quý đã vĩnh biệt chồng con giữa tuổi 33. Không thể sống được với cảnh “gà trống nuôi con” giữa đất kinh thành Huế, sau khi đến cảm ơn

khấp lượt bà con cô bác, Nguyễn Sinh Sắc lại dắt díu các con trở về Nam Đàn, Nghệ An.

Về lại Kim Liên, để vơi dần nỗi đau tang tóc và cũng là yêu cầu của bà con xóm làng, ông Nguyễn Sinh Sắc lại mở lớp dạy học tại mấy gian nhà hẹp của một gia đình phụ huynh ở làng Chùa. Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung lại được học với cha. Lúc này vốn Hán tự của Nguyễn Sinh Cung đã khá, vào lớp học, Nguyễn Sinh Cung vẫn thích nhất là giờ tập đối chữ. Ai đối được câu hay thường được thầy khen và bạn bè tán thưởng. Có lần trong tiết tập làm câu đối ứng khẩu, thầy ra vế đối: “Bạch thanh nhân”, (nghĩa là mắt trắng mắt xanh). Một số bạn xướng lên câu đối của mình, nhưng chưa được thầy khen. Nhắc thấy trong lớp có bạn vì mắt đau phải che mảnh vải đỏ lên mé mắt, Nguyễn Sinh Cung liền đọc: “Hồng hắc đầu”, (nghĩa là đầu đen đầu đỏ). Thế là cả lớp được một mẻ cười thoải mái.

Được ít lâu, có sự động viên của bà con họ mạc và làng xóm, ông Nguyễn Sinh Sắc lại quyết định vào Huế dự thi lần nữa. Nhưng không may, trong thời gian ông Nguyễn Sinh Sắc vào Huế dự thi Hội, bé Nguyễn Sinh Xin ở nhà bị ốm rồi mất.

Cái chết của đứa em bé bỏng lại gieo vào tâm hồn trẻ thơ của Nguyễn Sinh Cung một nỗi buồn da diết. Nguyễn Sinh Cung chỉ còn cách lo ôn lại bài vở, tranh thủ giúp đỡ bà ngoại nhiều việc trong nhà, ngoài vườn như chăm sóc cây mít, hàng cau, bụi chuối, khóm hoa huệ. Bà ngoại - tức bà Hoàng Đường - cũng rất thương yêu đứa cháu bé nhất là

Nguyễn Sinh Cung bằng việc thường xuyên nhắc nhở việc học tập, không để cho cháu chơi lâu lồng.

Ít lâu sau, một tin vui đến với gia đình Nguyễn Sinh Cung và dân làng: “Ông Nguyễn Sinh Sắc đậu Phó bảng⁽¹⁾” (khoa thi Hội Tân Sửu, 1901). Dân làng nô nức chuẩn bị trống cò, vồng lọng đi rước quan Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc “vinh qui bái Tổ”. Khi dân làng kéo đến cầu Rượu, cách Kim Liên bốn cây số, thì vừa gặp quan Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đi bộ từ Vinh trở về. Mọi người mừng rỡ nổi trống, giương cờ, lọng mời quan Phó bảng lên vồng cho dân rước, nhưng ông Nguyễn Sinh Sắc một mực từ chối. Thế là dân làng phải lặng trống, xếp cò, lọng, đi bộ cùng quan Phó bảng.

Dân làng ai cũng biết rằng nhờ có công lao của ông giáo Hoàng Đường cùng gia đình bên vợ ở làng Chùa, ông Nguyễn Sinh Sắc mới thành đạt. Song theo tập tục địa phương, ông Nguyễn Sinh Sắc đã vinh quy tại làng Sen quê nội.

Trước khi ông Nguyễn Sinh Sắc trở về, làng Sen, xã Kim Liên đã xuất quỹ công ích mua một ngôi nhà năm gian bằng gỗ, lợp tranh. Ngôi nhà dựng trên khoảng đất công, gần giếng Cốc. Ông Nguyễn Sinh Thuyết cũng dựng cho em ba gian nhà nhỏ dùng làm nhà ngang. Làng Sen vui như ngày hội. Từ già chí trẻ, ai cũng tự hào vì lần đầu tiên trong xã có người đậu Đại khoa.

(1) Phó bảng là học vị dưới Tiến sĩ. Cùng đậu Phó bảng khoá này có ông Phan Châu Trinh.

Về làng Sen, ông Phó bảng làm lễ “vào làng” cho hai con trai. Chắc ông nghĩ đến tương lai của con, bèn ghi tên Nguyễn Sinh Khiêm là Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Sinh Cung là Nguyễn Tất Thành.

Từ đó, hai anh em Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Tất Thành được cha gửi sang học với thầy Vương Thúc Quý, con trai cụ Vương Thúc Mậu đã đậu Cử nhân khoa Tân Mão và cũng nổi tiếng về chữ đẹp, giỏi câu đối, lại tích cực tham gia hoạt động yêu nước. Một lần, đang dạy, thầy Quý thắp đèn, dầu sánh ra, thấy vậy thầy liền ra cho học trò một vế đối:

“Thắp đèn lên dầu vương ra đê”

Có học trò lớn tuổi đối một câu rất chỉnh:

“Đốt nhang rồi gió quạt bay tàn”

Trò Nguyễn Tất Thành cũng liền xin đối:

“Cưỡi ngựa dong thẳng tiến lên đường”

Thầy Quý khen cả hai trò, nhưng với câu của Nguyễn Tất Thành thầy cho rằng đối thoát hơn, thể hiện ý chí và hoài bão lớn hơn, không gò bó với nghĩa đen của từng từ trong vế đối.

Thời gian sau, thầy Vương Thúc Quý bận hoạt động bí mật với cụ Phan Bội Châu, Nguyễn Tất Thành lại được cha gửi sang học với thầy Trần Thân ở làng Ngọc Đình, cùng xã Chung Cự. Đó là một nhà nho thông minh, thanh bạch, điềm đạm, thường khuyên học trò phải biết tự sửa lòng mình, chớ để đồng tiền làm đen tối lương tâm.

Năm 1903, sau khi nấn ná ở nhà “cáo ồm” chưa chịu ra làm quan⁽¹⁾, ông Nguyễn Sinh Sắc đưa hai con Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành lên huyện Thanh Chương, nơi đất cũng trù phú, nhưng dân nghèo như Nam Đàn, để vừa mở lớp dạy học vừa bày vẽ cho con. Lớp học mở ra đã đi vào nền nếp, được nhân dân trong vùng mến mộ, gửi nhiều con em đến học, thi dùng một cái có tin bà ngoại ở quê lâm bệnh nặng. Ông Nguyễn Sinh Sắc lại đưa hai con trở về để chăm sóc bà ngoại. Vì tuổi cao, bệnh nặng, bà ngoại (là bà Hoàng Đường mà dân làng thường gọi là bà Kép) đã qua đời. Thế là trong tuổi niên thiếu của Bác Hồ - Nguyễn Tất Thành - đã phải chịu bốn cái tang của gia đình: mẹ, em, ông ngoại, bà ngoại.

Sau kỳ đại tang đó (1904), ông Nguyễn Sinh Sắc lại sang huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh dạy học, và đưa Nguyễn Tất Thành đi cùng để kèm cặp. Tới đây Nguyễn Tất Thành được tận mắt thấy cảnh sống xa hoa, đài các của bầu đoàn thể tử Hoàng Cao Khải, một tên gian hùng, nhờ bờ đợ Tây mà được thăng đến tước Quận công. Y đang xây dựng dinh thự đồ sộ ở làng Đông Thái, bên cạnh những vùng bị triệt hạ tan hoang trong cuộc đàn áp khởi nghĩa Phan Đình Phùng. Một thời gian sau, Nguyễn Tất Thành lại được theo cha đi đây đi đó, như đến Quỳnh Đôi, một làng nổi tiếng lắm người học giỏi, đỗ đạt cao; đến làng Hậu Luật huyện Diễn Châu; đến xã Tràng

(1) Theo phép nước lúc bấy giờ, những vị đa dậu Đại khoa, sau một thời gian “vinh quy bái tổ” phải trở lại Kinh đô chờ lệnh.

Sơn, huyện Yên Thành; rồi ra tận Nam Định, phủ Kiến Xương, Thái Bình...

*

* *

Gà rừng cất tiếng gáy canh hai, tôi vẫn chưa ngủ được - Nguyễn Sinh Định kể tiếp. - Hết những câu chuyện về thời niên thiếu của Bác Hồ, tôi lại mừng tượng đến hình ảnh Người lúc chiều 30-4-1952 mà tôi mới được thấy lần đầu. Vóc dáng Người, khuôn mặt, đôi mắt, nụ cười sao giống cô Thanh và chú cả Khiêm đến thế.

Cô Thanh, tên thật là Nguyễn Thị Bạch Liên, sinh năm 1884, chị ruột của Bác Hồ. Theo bố tôi kể lại, trong cuộc sống, cô Thanh là một phụ nữ đảm đang, dũng cảm, kiên nghị. Năm lên mười một tuổi, cô Thanh đã giúp bà ngoại lo liệu một số việc nội trợ gia đình. Năm lên mười bảy tuổi, sau khi bà Hoàng Thị Loan - mẹ của Bác Hồ - qua đời ở Huế, ông Nguyễn Sinh Sắc đưa Nguyễn Sinh Cung và Nguyễn Sinh Xin trở về quê, cô Thanh lại phải chăm sóc các em, nhất là lúc đó Nguyễn Sinh Xin chưa đầy một tuổi, đang khát sữa mẹ. Đến tuổi thành niên, cô Thanh là một cô gái đẹp, có học, duyên dáng, nhưng đôi khi cũng hay lý sự. Nhiều thanh niên trong vùng đến dạm hỏi, cô chẳng nhận lời một ai. Một thanh niên bên Đức Thọ, thường gọi là "Cậu ấm" nhà quan lớn, nhà giàu sang, đến tỏ tình muốn hỏi cô làm vợ, có người khuyên cô nên nhận lời, cô Thanh hóm hỉnh đáp lại:

- Ấm gì rồi cũng vỡ?

Riêng “anh tú” người huyện Hưng Nguyên (vì đã đậu tú tài cho nên nhân dân địa phương thường gọi “anh tú”) bị bọn cầm quyền nghi đi liên lạc cho nghĩa quân chống lại chúng nên chúng bắt anh đem về giam ở Vinh. Khi được tin cha “anh tú” mất, cô Thanh tức tốc xuống Vinh, gặp Tổng đốc và Công sứ Nghệ An đòi chúng phải thả “anh tú”, để anh được về chịu tang, nếu không thì cô sẽ ngồi tù thay “anh tú”. Trước thái độ khảng khái và kiên quyết đó, bọn cầm quyền buộc phải thả “anh tú”. Về lại nhà, cô Thanh còn mua chuối, hương và đi đến tận Hưng Nguyên phúng viếng cha “anh tú”, rồi nhẹ nhàng khuyên anh:

- Nếu chỉ vì lo xây dựng gia đình riêng thì từ nay anh đừng lên Kim Liên nữa mà bị nghi ngờ là liên lạc với nghĩa quân.

Năm hai mươi sáu tuổi, trong một chuyến đi liên lạc với nghĩa quân (của Đội Quyền, Đội Phấn ở Thanh Chương, Tân Kỳ nổi lên chống Pháp) cô Thanh bị bọn cầm quyền đón bắt. Chúng đánh đập, tra tấn dã man, cô vẫn không cung khai một lời về nghĩa quân là ai, ở đâu...

Sau khi ra tù (cuối năm 1911), cô vẫn hăng hái nhận nhiệm vụ giúp nghĩa quân, bằng cách mở một quán cơm tại thành phố Vinh, để bề ngoài là buôn bán làm ăn, nhưng bên trong lấy đó làm nơi liên hệ với lính “khố xanh, khố đỏ”, mua súng cho nghĩa quân. Được ít lâu, việc mua trộm súng bị bại lộ, cô lại bị thực dân Pháp và phong kiến bắt giam lần

thứ hai và kết án “đánh một trăm trượng, giam chín năm, đày cách xa Nghệ An 5.000 dặm”.

Ra khỏi tù ở Quảng Ngãi, về lại làng Sen, được ít lâu, cô Thanh lên thị trấn Nam Đàn mở một quán nhỏ bán hàng xén ở dốc chợ Sa Nam với mục đích vừa tự nuôi sống mình, vừa dò la làm công tác binh vận, nắm tình hình cung cấp tin tức cho những người hoạt động cách mạng. Sa Nam là chợ lớn nhất trong huyện, mỗi tháng họp sáu phiên chính, còn thường ngày vẫn có người vào ra nhộn nhịp trao đổi hàng hoá. Từ chợ Sa Nam, các thứ hàng nông, lâm sản của Nam Đàn theo tuyến đường thuỷ sông Lam, đường bộ 49, đường đê 42, chuyển đi khắp các xã trong huyện và nhiều nơi trong tỉnh, nhất là thành phố Vinh. Cho nên dân gian đã có câu ca:

Sa Nam trên chợ dưới đò

Bánh đúc ba dãy, thịt bò bê thiên.

Đứng ở quán cô Thanh, nhất là vào những ngày trời trong nắng đẹp là có thể thấy được địa thế bốn phía của huyện Nam Đàn. Phía Tây là dòng sông Lam, trừ mùa lũ nước chảy xiết, đục ngầu, còn quanh năm trong xanh, hiền hoà. Phía Tây Nam là dãy núi Thiên Nhân chạy xuống bên phà Linh Cảm, gần quê hương Phan Đình Phùng, Trần Phú. Phía Đông Bắc là địa đầu dãy núi Đại Huệ, thuộc người anh hùng áo vải Quang Trung, trên đường đưa quân từ Nam ra Bắc đại phá quân Thanh, đã tạm dừng lại đây lập đồn trú luyện quân và mộ thêm lính. Giữa hai dãy núi này là vùng vừa đồng bằng vừa bán sơn địa, xoè ra như hình quạt. Trong

đó có làng Đan Nhiệm, quê hương nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu, và làng Sen, quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Tôi còn nhớ - vẫn lời Nguyễn Sinh Định - một hôm lên chợ Sa Nam, thấy cô Thanh đang chửi như tát nước vào mặt tên Tây đồn Nam Đàn vì tội trắng trợn chọc ghẹo con gái và quýt tiền mua gà, vịt của bà con nông dân.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, bà con, họ hàng làng Sen nhìn ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, cứ nửa tin, nửa ngờ:

- Phải chăng đây là Nguyễn Ái Quốc - Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Sinh Cung?

Cô Thanh là người đầu tiên thay mặt họ Nguyễn Sinh và bà con trong làng ra Hà Nội gặp Bác Hồ, như cô nói: “Đúng cậu Công rồi, nhưng phải ra tận nơi xem mới yên tâm!” Công tức là Cung - Nguyễn Sinh Cung - tên của Bác Hồ lúc còn nhỏ mà bà con địa phương thường gọi là Công.

Đến nay, tôi vẫn nhớ hôm đó cô Thanh mặc quần áo nâu, đầu chít khăn nhung, miệng nhai trầu, đôi môi đỏ tươi, tay xách hai con vịt và bỏ hai chục trứng gà chung quanh phủ tro vào cái bị cói, vai đeo nải, được bà con tiễn ra đường 49 để đón xe Nam Đàn - Vinh, rồi lên tàu lửa ra Hà Nội. Vui nhất là hôm cô Thanh về lại làng Sen. Được tin cô từ Hà Nội về, cả bên nội, bên ngoại và bà con quanh vùng tới tấp tìm đến đông như mở hội, đứng vây quanh lấy cô, hỏi chuyện tíu tít. Cô Thanh kể rằng vào đến cổng nhà Cụ Hồ làm việc (lúc đó ở Bắc Bộ phủ, nay

là nhà khách Chính phủ, ở đường Lý Thái Tổ) thì gặp một người hỏi ngay:

- Bà có việc gì, cần gặp ai?

- Tôi là chị Cụ Hồ. Tôi ra thăm Cụ một chút rồi tôi về.

Nghe vậy, người gác cổng bảo cô chờ. Quả nhiên, chờ một chốc là có người ra dẫn cô vào. Kể đến đây, hai khoe mắt cô rưng rưng. Niềm xúc động, tự hào dâng lên. Rồi cô khẳng định trước bà con hai bên nội, ngoại xóm giềng đứng vây quanh:

- Đúng một trăm phần trăm rồi! Cụ Hồ Chí Minh là Nguyễn Sinh Cung, là Nguyễn Tất Thành, là Nguyễn Ái Quốc.

Ngừng một lát, lấy khăn lau nước mắt vì không nén nổi xúc động, rồi cô Thanh cho biết khi hai chị em gặp nhau sau bốn mươi năm xa cách, người nào cũng nghẹn ngào, mừng mừng, tủi tủi. Chuyện trò được khoảng nửa giờ, thấy có người vào trình việc, biết cụ Hồ đang phải giải quyết nhiều việc cần kíp của đất nước khi mới giành được độc lập, cô Thanh về nhà người quen ở phố Hàng Nón nghỉ. Hôm biết cô sắp về quê, Bác Hồ đang bận quá nhiều công việc, phải nhờ người đem đến biếu cô mấy mét vải lĩnh để về may quần áo gọi là chút quà kỷ niệm sau bốn thập kỷ chị em xa cách, nay gặp lại. Từ đó cô Thanh sống ở quê làng Sen, ngày đêm vận động trai gái gia nhập bộ đội, đi thanh niên xung phong mở đường phục vụ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Rồi cô mất vào lúc chiến dịch Điện Biên Phủ sắp kết thúc thắng lợi, thọ tròn bảy mươi tuổi.

Còn chú cả Khiêm - vẫn lời Nguyễn Sinh Định - tức là Nguyễn Tất Đạt - Nguyễn Sinh Khiêm, sinh năm 1888, anh ruột Bác Hồ. Theo bố tôi kể lại, chú cả Khiêm biết cả chữ Hán, chữ Pháp, chữ quốc ngữ, là người đầu tiên dạy chữ quốc ngữ cho con cháu và nhân dân trong vùng. Hằng ngày chú thường mặc bộ quần áo màu nâu, đi đôi guốc gỗ, sống phóng khoáng, tính tình vui vẻ, hay cười, khinh ghét bọn quan lại hách dịch, tham nhũng, hay giúp đỡ người nghèo, yêu trẻ nhỏ, bênh vực những người yếu thế hoặc gặp phải oan trái bằng cách giúp viết đơn cho họ gửi đến cửa quan để khiếu nại. Khi cô Thanh tham gia hoạt động giúp nghĩa quân, chú cả Khiêm cũng góp sức tích cực, cho nên thực dân và phong kiến bắt chú cả đi xa tỉnh Nghệ An. Ra tù, trở về làng, chú cả hướng dẫn nhân dân cải cách các sinh hoạt theo lối mới, tổ chức mở trường dạy học cho nhân dân, lập hội diễn tuồng, cổ vũ tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc.

Năm tôi lên mười sáu tuổi, bố tôi giao tôi cho chú cả Khiêm mới ở Huế về (sau khi bị thực dân Pháp bắt đày đi Lao Bảo rồi Quảng Ngãi vì có tham gia hoạt động cách mạng) để vừa được dạy dỗ, vừa hằng ngày giúp đỡ chú cả Khiêm những việc lật vật cần thiết. Tôi nhớ một hôm cùng chú cả Khiêm đi chợ Vạc. Gặp một số người mua hình nộm, vàng mã về cúng và đốt để gọi hồn thiêng của ma quỷ lên chữa bệnh cho con cháu, chú cả Khiêm dừng lại giải thích và khuyên họ bỏ tục lệ mê tín đó, hướng dẫn cách chữa và lấy tiền trong túi cho họ góp phần mua

thuốc chữa. Trên đường về nhà, gặp một nông dân vác cây ra đồng, mặc quần áo rách tươm, vá chằng vá đụp, chú cả Khiêm liền cởi chiếc áo mặc ngoài của mình đem cho người nông dân đó. Ít hôm sau, vào một đêm trời tối như bung, chú cả Khiêm cầm bó đuốc đi trước và bảo bố tôi khiêng một đầu, tôi khiêng một đầu cái tiểu sành trong đó đựng hài cốt bà Hoàng Thị Loan đưa từ vườn nhà lên chôn ở khoảng đất Ao Hồ - Động Tranh trên núi Đại Huệ cao gần một trăm mét so với mặt cánh đồng xã Nam Giang dưới chân núi. Đứng ở đây, nhìn về phía Nam thấy rõ dãy núi Thiên Nhẫn còn có dấu tích thành Lục Niên của Lê Lợi xây dựng; có miếu thờ danh sĩ nổi tiếng thời Tây Sơn là La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp. Nhìn về phía Tây thấy núi Đụn còn có dấu tích thành Vạn An do Mai Thúc Loan xây dựng khi chống quân xâm lược nhà Đường. Nhìn xuống phía Đông Nam thấy núi Độc Lôi và Đại Hải có mộ tổ Quang Trung - Nguyễn Huệ.

Lúc ở quê, khoảng cuối năm 1883, bà Hoàng Thị Loan lấy ông Nguyễn Sinh Sắc, một năm sau sinh người con gái đầu là cô Thanh, bốn năm sau đó sinh người con thứ hai là chú cả Khiêm, hai năm sau khi sinh chú cả Khiêm thì sinh Bác Hồ. Ông Nguyễn Sinh Sắc đậu được Cử nhân lại phải vào Huế học. Bà Hoàng Thị Loan cùng đi theo chồng vào Huế và sinh thêm người con thứ tư. Sinh con trong lúc túng thiếu, bà Hoàng Thị Loan phải nhờ hàng xóm giúp đỡ. Trước cảnh ngộ vất vả ấy, bà đặt tên cho đứa con thứ tư là Nguyễn Sinh Xin. Nhưng sau đó

không lâu bà Hoàng Thị Loan lâm bệnh và mất ở Huế, khi mới bước vào tuổi ba mươi ba. Khi đó theo bố tôi kể lại, ông Nguyễn Sinh Sắc và hai người con là cô Thanh và chú cả Khiêm đang ở quê hương Hoàng Trù lo sửa phần mộ ông bà. Nguyễn Sinh Cung chưa đầy mười một tuổi. Sống trong một căn nhà nhỏ ở Huế, gặp hoàn cảnh mẹ chết, vắng cha, vắng chị, vắng anh, Nguyễn Sinh Cung phải bồng bế, chăm sóc em mình là Nguyễn Sinh Xin chưa đầy một tuổi. Trở lại cố đô Huế, ông Nguyễn Sinh Sắc sống cảnh gà trống nuôi con gặp rất nhiều vất vả. Ít lâu sau, gia đình ông lại trở về quê, rồi gặp bất hạnh: Nguyễn Sinh Xin chết.

Khoảng năm 1922, cô Thanh đi vào Huế đưa hài cốt bà Hoàng Thị Loan về chôn sau vườn nhà.

Chú cả Khiêm, bố tôi và tôi sau khi loay hoay đào huyệt, đặt tiểu sành xuống ngay ngắn, lấp đất đắp xong mộ bà Hoàng Thị Loan thì trời sáng hẳn. Cả ba người đứng lặng trước nén hương thơm ngát cắm trên mộ bà Loan, nghiêng mình tưởng nhớ người mẹ, người thím, người bà cô đã từng tần tảo lam lũ hết mực yêu chồng, thương con, thủy chung với họ hàng chòm xóm. Trong giây phút trang nghiêm ấy, tôi bỗng nghe chú cả Khiêm lầm nhảm khấn thành tiếng:

- Mẹ ơi! Chúc mẹ yên nghỉ ngàn thu ở đây. Em Công, con của mẹ nhất định sẽ về nước.

Quả đúng như thế, không ngờ câu nói ấy của chú cả Khiêm đã thành sự thật. Không đầy một năm sau đó, nhân dân được tin Nguyễn Ái Quốc sau ba

mười năm xa Tổ quốc, qua 27 quốc gia trên bốn châu lục đi tìm đường cứu nước đã về Pác Bó lãnh đạo Việt Minh đứng lên đánh Tây đuổi Nhật, giành độc lập cho đất nước.

Cách mạng Tháng Tám thành công - vẫn lời Nguyễn Sinh Định - sau khi cô Thanh ra Hà Nội gặp Bác Hồ biết rõ chắc chắn đó là Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc, em ruột mình, chú cả Khiêm bảo tôi cùng đi xuống Vinh, để lên tàu lửa ra Hà Nội thăm Bác. Tôi xách chiếc va-ly đan bằng sợi mây cũ kỹ, trong bỏ một bộ quần áo và mấy thứ lặt vặt của chú cả Khiêm, rồi bước theo chú, lòng tràn đầy phấn khởi. Nhưng không may, hai chú cháu xuống đến Vinh thì lỡ tàu, phải trở lại làng Sen. Hôm sau, tôi bạn đi huấn luyện "võ bị", chú cả Khiêm quyết định đi một mình ra Hà Nội gặp Bác Hồ.

Cũng như cô Thanh, hôm về lại làng Sen, chú cả Khiêm được bên nội, bên ngoại và bà con trong xóm đến vây quanh hỏi chuyện ríu rít. Chú cả Khiêm kể rằng lúc đến công nhà làm việc của Bác Hồ, chú dừng lại lấy bút viết ngắn gọn mấy chữ vào một mảnh giấy rộng bằng hai cái bao diêm "Đạt đến thăm Thành" rồi đưa cho người gác cổng nhờ chuyển lên Chủ tịch nước đang bận lo trăm công nghìn việc của đất nước sau khi mới giành được chính quyền về tay nhân dân. Chờ khoảng ba phút thì chú cả Khiêm được lên tầng hai, nơi làm việc của Bác và các đồng chí cộng sự lúc đó ở Bắc Bộ phủ.

Thấy Bác Hồ từ trong phòng làm việc bước ra, nhận rõ là em ruột mình, không nén nổi xúc động, chú cả Khiêm bước nhanh đến ôm chầm lấy Bác, miệng nói lặp đi, lặp lại:

- Chú Công! Chú Công! Chú khỏe không? Anh em mình... anh em mình xa... nhau lâu... quá!

Bác Hồ cũng rất xúc động, ôm chặt lấy chú cả Khiêm, áp chòm râu rung rung lên má người anh ruột của mình đã cách xa ba chục năm và nói:

- Quý hóa quá! Anh đã ra thăm em... Đáng lẽ em phải về thăm anh trước... Anh có khỏe không?

Hai người cứ ôm nhau như vậy, lặng đi trong giây lát, rồi chú cả Khiêm mới buông tay và nói tiếp:

- Chị Thanh về có nói chuyện lại, bảo là chú gây lăm, công việc bận suốt ngày...

Nói xong, chú cả Khiêm mở gói lấy mấy quả cam Xã Đoài biếu Bác Hồ.

Bác đồ lấy cảm ơn. Và nhớ đến quê hương, Bác đọc luôn câu ca về xứ Nghệ:

Quê ta ngọt mía Nam Đàn

Bùi khoai chợ Rộ, thơm cam Xã Đoài

Ai về ai nhớ chẳng ai

Ta như dầu đượm thấp hoài năm canh

Một tháng sau đó, giặc Pháp trở lại gây hấn, đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn rồi Hà Nội. Bác Hồ cùng Chính phủ rời Thủ đô, lên chiến khu Việt Bắc lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.

Cũng như cô Thanh, ở lại làng Sen, chú cả Khiêm vận động trai gái vào bộ đội, đi thanh niên xung phong, rồi mất năm 1950, thọ sáu mươi hai tuổi. Ngày ấy cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta đang chuyển sang giai đoạn mới. Đường xa cách trở, lại bận việc nước, từ chiến khu Việt Bắc, Bác Hồ gửi điện về như sau:

Gửi họ Nguyễn Sinh

Nghe tin anh Cả mất, lòng tôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng nhiều, đường xá xa cách, lúc anh đau yếu tôi không thể trông nom, lúc anh tạ thế tôi không thể lo liệu.

Than ôi! Tôi xin chịu tội bất đê trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước.

Chí Minh"

Dưới bức điện ghi ngày "9-11-1950".

*

* *

Uống xong chén trà Thái do ông bạn về hưu cùng phố ngồi rót và đưa cho, Nguyễn Sinh Định lấy lại giọng, kể tiếp:

Sáng hôm sau, 1-5-1952, ngày khai mạc Đại hội anh hùng, Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất, những người phục vụ dậy từ lúc sương còn chăng khắp núi rừng để kiểm tra lại lần chót những việc sắp xếp bàn ghế, trang trí khẩu hiệu, chuẩn bị văn bản, tài liệu... Vừa làm, tôi vừa mong ngóng Bác Hồ đến sớm để may ra tôi được Bác bắt tay và có dịp

gặp Bác. Thời cơ đó là thuận tiện nhất. Nhưng khi Bác đến và bước vào hội trường cũng là lúc 154 chiến sĩ tiêu biểu cho hàng nghìn chiến sĩ thi đua ở hàng đầu của các ngành công, nông, binh và lao động trí óc đã tề tựu ở vị trí ngồi và đứng dậy vỗ tay nhiệt liệt chào đón Bác và các vị cùng vào là cụ Tôn Đức Thắng, đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng... Sau nghi lễ chào cờ, Quốc ca, giới thiệu đại biểu, Bác Hồ đứng lên đọc diễn văn khai mạc Đại hội. Lần đầu tiên trong đời tôi được trực tiếp nhìn thấy và nghe giọng nói ấm áp, sang sảng của Bác Hồ, người chú thân yêu nhất của mình, đứng trước đông đảo cán bộ, chiến sĩ đại biểu các tầng lớp nhân dân. Bóng dáng, hơi thở, tiếng nói mạnh mẽ của Người làm tươi rạng cả hội trường. Thú thật lúc ấy người tôi cứ lâng lâng, chốc chốc lại lấy cớ đi làm một việc gì đó của công tác phục vụ Đại hội để được nhìn Bác rõ hơn, nhiều hơn, gần hơn. Đang đọc với giọng đều đều, bỗng Bác nhấn mạnh to hơn với cách nói thuyết phục, hấp dẫn mà cho đến nay tôi không thể quên được một đoạn trong bài diễn văn Bác đọc:

“Các cô, các chú là chiến sĩ thi đua, có vinh dự xung phong đi trước. Vậy phải cố gắng luôn luôn, tránh tự kiêu, tự đại, vì nó là kẻ thù nguy hiểm nhất. Để quốc, ta còn trông thấy mà đánh, chứ tự kiêu, tự đại lẫn ở trong người, thì hớ trông thấy. Cho nên các cô, các chú phải luôn luôn đấu tranh với bản thân”.

Cả hội trường vỗ tay ran ran, vang vọng một vùng núi rừng.

Kết thúc diễn văn, Bác Hồ nói:

“Chúng ta phải cố gắng để trong Đại hội Chiến sĩ thi đua năm sau chúng ta sẽ có những thành tích to lớn và vẻ vang hơn nữa và nhiều Anh hùng chiến đấu, nhiều Anh hùng lao động hơn nữa...”

Đọc đến đây, Bác dừng giây lát, rồi nói to hơn bằng bốn câu văn vần:

*“Người người thi đua,
Ngành ngành thi đua,
Ta nhất định thắng,
Địch nhất định thua!”*

Cả hội trường vỗ tay kéo dài mãi tưởng như không ngớt. Những người phục vụ như chúng tôi cũng bị cuốn hút vào không khí sôi nổi, hào hùng ấy.

Thế là suốt ngày hôm đó, tôi vẫn chưa tìm ra thời cơ thuận tiện nhất để xin gặp Bác Hồ. Vì sau khi đọc diễn văn, Bác lại ngồi chăm chú nghe lần lượt các Chiến sĩ thi đua lên báo cáo thành tích, kinh nghiệm chiến đấu, công tác, lao động sản xuất của mình, đơn vị mình trước Đại hội. Đến giờ nghỉ giải lao thì các Chiến sĩ thi đua vây quanh lấy Bác chẳng ai muốn rời ra, nhất là các đại biểu từ khu Bốn, Bình Trị Thiên, khu Năm, Nam Bộ... Tôi chưa biết tính sao? Một anh bạn cùng ở bộ phận phục vụ Đại hội, vỗ vai tôi, nói rõ nỗi vui sướng của mình, làm tôi càng nóng lòng mong được gặp Bác. Tôi chưa nói gì, anh bạn đã khoe ngay:

- Đây là lần thứ hai “tớ” được thấy và nghe Bác Hồ nói chuyện trước đông người. Lần thứ nhất là giữa năm 1950, cũng ở một địa điểm trong núi rừng Việt Bắc. Hôm đó, vào khoảng bảy giờ tối, Bác đến nói chuyện với gần một trăm cán bộ tư pháp. Đêm ấy đang giữa mùa hè, dù ở vùng núi rừng, tiết trời vẫn rất nóng nực. Bác phải phanh chiếc áo sơ-mi ngoài bằng vải màu vàng đã bạc, để lộ bên trong chiếc áo may ô nhuộm nâu. Một tay cầm chiếc quạt giấy, Bác thông thả bước lên chiếc ghế dành cho giảng viên hàng ngày lên lớp ngồi. Vừa vào ghế, Bác nói rất tự nhiên:

- Thật là cao, như bệ ông toà án.

Bác cười. Mọi người cười, xua tan không khí định đón tiếp Bác theo nghi thức long trọng, trang nghiêm. Và cũng từ phút đó, Bác đi thẳng vào vấn đề. Dưới ánh đèn dầu le lói, Bác rút trong cặp ra một xấp giấy mà các cán bộ dự họp tư pháp hôm đó đã ghi rõ những câu hỏi để nhờ Bác giải đáp. Bác giơ tập giấy lên và nói:

- Tất cả 86 tờ, gồm 172 câu hỏi.

Mọi người không khỏi ngạc nhiên “Sao mà hỏi nhiều đến thế”. Rồi có tiếng thì thào “Làm sao Bác trả lời hết được?”.

Bác cười:

- Trả lời hết ngàn này câu hỏi cũng gay đấy, có câu Bác không biết đâu, nhưng Bác sẽ cố gắng trả lời hết.

Tiếng hoan hô vang lên. Nhiều người mừng thầm, vì câu hỏi càng nhiều, thời gian được gặp Bác càng kéo dài.

Bác đặt tập câu hỏi sang một bên bàn rồi nói:

- Trước khi Bác trả lời các cô, các chú, Bác hỏi các cô các chú mấy câu đã. Các cô, các chú có sẵn sàng trả lời Bác không?

- Thưa Bác, có ạ...!

- Thế thì các cô, các chú có biết nhiệm vụ đầu tiên của người cán bộ hiện nay là gì không?

Một đồng chí ngồi hàng ghế đầu, nhanh nhẩu xin trả lời:

- Thưa Bác, là phải giữ bí mật ạ!

Bác lắc đầu:

- Chú nói mới đúng có một nửa. Một mình cán bộ giữ bí mật chưa đủ, mà phải vận động nhân dân bà con chung quanh cũng giữ bí mật thì mới hoàn toàn tốt.

Khi trả lời những câu hỏi. Bác đọc lên và trả lời từng câu một. Có người hỏi làm thế nào tư pháp gần được dân?

Bác trả lời:

- Tư pháp muốn gần dân thì đừng xa dân.

Thật khó mà tìm được câu trả lời giản dị và sâu sắc hơn. Một người khác hỏi: "Trong lịch sử nước ta, kháng chiến nhà Trần chống quân Nguyên phải năm năm mới thành công, kháng chiến nhà Lê chống quân Minh đúng mười năm thì thắng lợi. Vậy

cuộc trường kỳ kháng chiến của ta chống thực dân Pháp bao giờ thắng lợi?”.

Bác trả lời:

- Người vừa nêu câu hỏi vừa tự trả lời rồi còn gì. Này nhé! Chú nói “trường kỳ kháng chiến bao giờ thắng lợi”, như vậy là phải trường kỳ kháng chiến thì nhất định thắng lợi.

Cả lớp vỗ tay vang hội trường.

Hồi đó, Pháp mới đánh và tạm chiếm khu Ba, một số đồng chí nêu câu hỏi:

- Thưa Bác, quân Pháp đang tạm chiếm khu Ba, sao quân ta không đánh thẳng vào khu Ba để giải phóng khu Ba mà lại đánh ở Đông Bắc và Tây Bắc?

Bác lấy ngay một thí dụ rất ngộ nghĩnh để trả lời:

- Khi các cô, các chú bị một con chó cắn vào chân, liệu các cô, các chú có cần cầm gậy lửa vào mồm nó để đánh vào răng nó không, hay các chú chỉ cần cầm gậy vụt thật mạnh vào bất kỳ chỗ nào trên mình nó là nó phải nhả ngay ra? Đánh giặc Pháp cũng vậy, không cần quân ta đánh thẳng vào khu Ba nó mới chịu nhả khu Ba. Ta chỉ việc đánh thật mạnh ở Đông Bắc, ở biên giới là nó cũng phải nhả khu Ba.

Với cách nói sát sườn, cụ thể, ngắn gọn, dễ hiểu, hàng chục câu hỏi nêu lên hôm đó đều được Bác trả lời chur đáo. Câu hỏi cuối cùng là của một người mới học thêm ngoại ngữ. Đồng chí ấy hỏi:

- Thưa Bác, dân tộc ta nên học ngoại ngữ nào là hơn?

Bác trả lời:

- Hãy học tiếng Việt Nam cho thành thạo đã. Còn tiếng nước ngoài thì dù là tiếng nước nào, nếu học chăm chỉ đến nơi đến chốn, cũng đều có lợi cả.

Kết thúc buổi nói chuyện vào đúng mười giờ đêm. Sáng sớm hôm sau, mới chỉ vào khoảng hơn năm giờ, mọi người đang tập thể dục, Bác đã ngồi trên mình ngựa, lưng thưng cho ngựa xuống núi, qua chỗ mọi người đang tập thể dục, Bác hỏi vui:

- Còn có gì thắc mắc nữa không?

- Thưa Bác, chúng cháu thông rồi ạ?

- Thế thì chúc các cô, các chú chăm học, nắm cho vững, nay mai về cơ sở làm việc thật tốt.

Nói xong, Bác giơ tay vẫy chào, rồi thúc ngựa đi nhanh.

Nguyễn Sinh Định kể xong niềm vui sướng của người bạn cùng phục vụ Đại hội qua câu chuyện được chứng kiến, định nói thêm thì anh thanh niên ngồi nghe đã đột ngột hỏi:

- Đạo đó, ta chưa có xe ô-tô cho Bác đi công tác ạ?

Ông bạn về hưu cùng phố, trả lời thay Nguyễn Sinh Định:

- Có chứ? Nhưng cũng thỉnh thoảng, rất cần và tùy tình hình Bác mới đi công tác bằng xe ô-tô. Đạo ở Việt Bắc, tôi được biết, lần đầu tiên sau gần chín năm về nước lãnh đạo nhân dân ta làm Cách mạng Tháng Tám thành công và đứng lên kháng chiến

chống thực dân Pháp, Bác đi công tác bằng xe ô-tô là chiếc xe quân sự ta thu được của giặc Pháp trong chiến dịch Biên giới nam 1950.

Đạo đó - lời ông bạn về hưu cùng phố - để tránh máy bay giặc, cứ chờ đến lúc mặt trời xuống gần đỉnh núi, các xe ô-tô vận tải mới rùng rùng nổ máy lên đường. Đồng chí lái xe cho Bác đi công tác hôm ấy là một chiến sĩ trẻ, thường ngày rất hồn nhiên, cười nói luôn miệng. Nhưng sau khi đi được nửa đường, xe chết máy, anh cứ im thin thít. Hết loay hoay sửa chữa phía đầu xe, anh lại chui vào buồng lái, ngồi giậm ga, mở khóa điện. Chốc chốc anh lại ngược mắt nhìn về phía Tây. Mặt trời sắp tụt xuống đỉnh núi, chỉ còn không đầy một gang tay. Trời hơi lạnh mà trên trán anh lấm tấm mồ hôi. Anh lo lắng không biết làm sao đây. Các đồng chí giúp việc cho Bác đã cho anh biết Bác đi bộ quen rồi. Không có xe Bác vẫn luôn đi đến với cơ sở. Bác đã quyết là làm, đã đi, dù gặp trở ngại, cũng tìm cách vượt qua để đi đến nơi đến chốn. Nhưng anh nghĩ rằng có xe ô-tô đây mà chịu để Bác đi bộ sao đành! Anh cứ cầm cùi chấu bằng được.

Như hiểu được bản khoăn lo lắng của đồng chí lái xe, Bác đến động viên:

- Chú cứ bình tĩnh chữa. Chiều nay không đến kịp nơi đã hẹn, tối Bác cháu ta sẽ đi tiếp...

Như được tiếp thêm sức mạnh, đồng chí lái xe lấy lại bình tĩnh, sửa chữa tiếp. Sau chốc lát, chỗ hỏng của máy được phát hiện. Chữa xong, anh lái xe cúi

xuống định cầm chiếc tay quay để quay cho máy nổ. Bác ngăn lại, bảo anh:

- Chú vào buồng lái đi! Bác quay động cơ cho.

Vừa nói Bác vừa cầm lấy tay quay luồn nó vào đầu xe ô-tô. Tư thế Bác đứng quay máy giống như một công nhân lái xe thực thụ: lưng cúi khom khom, chân hơi choãi ra, vững chãi, hai tay nắm chặt tay quay, chiếc khăn quàng vắt vai một đầu thông xuống trước ngực.

- Hai... ba... nào!

Theo nhịp hô của Bác, anh lái xe mở máy, rú ga. Bác quay mạnh một vòng. Xe nổ máy ậm ạch, rồi tắt. Bác lại vừa hô “Hai... ba... nào”, vừa quay tiếp vòng khác.

Ngồi trong buồng lái, nhìn qua tấm kính, thấy vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc làm những động tác như một công nhân thực thụ, không hề có chút cách xa, mà rất gần gũi, thoải mái, bình dị, anh lái xe xúc động quá tay chân cứ luống cuống ấn nút điện, giậm ga mà không đều. Xe nổ máy rồi, lại rồ rồ, im bật.

Một lần nữa Bác lại phải “Hai... ba... nào”.

Lần này tiếng máy nổ to hơn, rồi dần dần chuyển thành tiếng vo... vo, đều đều, êm nhẹ. Xe lên đường. Đêm đó, tuy có khuya, nhưng đến kịp với đơn vị mà Bác đã hẹn.

*

* *

Sang ngày thứ hai của Đại hội - lời Nguyễn Sinh Định - vào buổi chiều, ban tổ chức giao cho tôi nhiệm vụ đưa tài liệu đến Văn phòng Hội đồng Chính phủ. Trên đường về đi qua hai bản, cây cối xanh um, bỗng thấy Bác đứng trước sân một nhà sàn, đang vươn vai, uốn mình theo những động tác thể dục, hình như đang thư giãn sau những giờ làm việc khẩn trương ở Đại hội về. "Đáy rồi! Dịp may hiếm có!". Nghĩ vậy, tôi làm bạo, bước rẽ sang đường bên trái, theo lối mòn đi về phía Bác đang đứng. Nhưng mới đi được một quãng, đã có người bất ngờ xuất hiện bên đường, hỏi giật lại:

- Anh muốn gặp ai?

Tôi nói ngay không chút do dự:

- Là người nhà của Bác Hồ, tôi muốn được gặp Bác.

Sung sướng quá, sau chốc lát làm thủ tục theo quy tắc bảo vệ cơ quan, tôi tạm đứng chờ. Thú thật lúc đó một phút chờ dài như tháng đợi. Tôi nghe rõ nhịp tim mình đập, mong ngóng hồi hộp hơn cả lúc còn nhỏ trông mẹ đi chợ về. Đang sốt ruột thì thấy Bác đến. Bác mặc bộ quần áo bà ba màu nâu nhạt. Không nén nổi vui sướng, tôi chạy đến ôm chầm lấy Bác. Bác cũng ôm lấy tôi. Miệng tôi cố nói to mà cứ ấp úng:

- Cháu là con ông Nguyễn Sinh Mai ở làng Sen, huyện Nam Đàn...

- Mọi chứ! - Bác chữa lại chữ "Mai".

- Dạ! Mọi là tên bố cháu lúc còn nhỏ.

Tôi trả lời lại vậy và thầm cảm phục biết bao người chú đã xa quê hương hơn bốn mươi năm mà vẫn không quên tên “cúng cơm” của bố tôi.

Lặng một lát như chờ cho tôi trấn tĩnh lại sau giây phút hiếm hoi đầy xúc động của sự gặp gỡ bất ngờ này, Bác mới lần lượt hỏi chuyện về anh chị em họ hàng thân thích, về tình hình sản xuất, đời sống, tham gia kháng chiến của nhân dân làng Sen và những địa phương mà tôi đã có dịp cùng đơn vị đóng quân...

Đây, lần đầu tiên tôi được vinh dự chuyện trò trực tiếp với Bác Hồ trong trường hợp như vậy.

Một người bạn quê đồng hương Nam Đàn về hưu ở Hà Nội vốn thẳng tính và nhạy cảm, hay liên hệ thực tế thời cuộc, nghe đến đây vội vàng hỏi Nguyễn Sinh Định với ý nửa đùa nửa thật:

- Hẳn là từ đó “cậu” được ưu ái, chiều chuộng hơn mọi người?

Đang ngồi xoài trên chiếc chiếu trải giữa sàn gỗ cũ kỹ trên gác hẹp của ngôi nhà số 38 phố Hàng Điếu, Hà Nội, gồm 38 mét vuông tất cả, nơi vợ chồng Nguyễn Sinh Định cùng các con, cháu đang ở, Nguyễn Sinh Định vươn người lấy ấm trà rót thêm vào chén, nâng lên uống một ngụm, rồi bình thản trả lời:

- Câu hỏi này không chỉ có bạn. Đạo ở chiến khu Việt Bắc, sau khi tôi được gặp Bác Hồ lần đầu và biết tôi là người cháu gần nhất của Bác, xét về quan hệ họ hàng, có anh em trong đơn vị và kể cả một số người cùng quê cũng cho rằng tôi thuộc diện “con

ông cháu cha”, loại hảo hạng cho nên thế nào cũng được Bác nâng đỡ, cất nhắc lên “ông này bà nọ” theo kiểu “một người làm quan, cả họ được nhờ”.

Sự thật không phải như vậy. Số người đó nghĩ thế là không đúng. Ai, chứ Bác Hồ không bao giờ làm vậy và cũng không cho phép cán bộ lợi dụng quyền uy, thế đứng của mình để rủ rê, bao che cho những người quen sống theo lối cánh hẩu, không có năng lực và không đủ phẩm chất nhưng lại ham leo lên những bậc thang danh vọng. Nếu biết được ai làm như vậy là Bác phê bình, chấn chỉnh ngay. Cả cuộc đời và sự nghiệp vĩ đại của Bác đều do sự nỗ lực và quyết tâm rất cao của bản thân là chủ yếu. Bác lo cho mọi người, mọi nhà trong cả nước được độc lập, ấm no, hạnh phúc là có phần họ hàng chúng tôi trong đó. Đến như cô Thanh, chị ruột của Bác, chú cả Khiêm, anh ruột của Bác, là những người ít nhiều đã từng tham gia hoạt động cách mạng, bị tù đày cực hình, sau khi đất nước giành được độc lập biết em ruột mình là Bác Hồ làm Chủ tịch nước, không chút đòi hỏi quyền lợi, vẫn ở lại làng Sen hăng hái tham gia mọi công việc xã hội của một người dân của nước độc lập. Cũng như Bác Hồ không y thế vào mình có quyền cao chức trọng để đưa chị mình, anh mình lên chức quan này nọ. Và đến nay nếu tính những người có học trong họ Nguyễn Sinh của Bác, kể cả người về hưu như tôi, hoặc đang làm việc cho Nhà nước, đều có quá trình tự phấn đấu mà nên, như vào quân đội, đi thanh niên xung phong, hoặc ở nhà vừa làm ruộng, làm

nghề thủ công, vừa cố gắng học hết các cấp phổ thông mà thi cử vào các trường đại học này nọ, chứ không có ai tiến thân bằng con đường “ô dù” bao giờ.

Tôi còn nhớ khi được gặp Bác Hồ lần đầu ở Chiêm Hoá, Việt Bắc, sau khi tôi trả lời những câu Bác hỏi “Cháu làm việc gì? Ở đâu? Chiến sĩ hay cán bộ? Khó khăn thuận lợi ra sao?”... thì Bác nhẹ nhàng khuyên bảo tôi và đó cũng là sự định hướng bước đi cho tôi, cho cả những người khác trong họ hàng, quê hương. Bác khuyên bảo như sau:

- Có khả năng đến đâu cháu cố gắng làm hết sức mình đến đó, học hỏi thêm bè bạn, không nên dựa dẫm, ỷ lại và nhớ luôn luôn có ý thức tổ chức, kỷ luật, tuân theo sự phân công của đoàn thể, chấp hành đúng mọi quy định của chính quyền Nhà nước.

- Đúng đấy! - Một trung tá về hưu ngồi nghe, bỗng nói to vậy, cắt lời Nguyễn Sinh Định. Rồi trung tá này kể luôn:

- Bác Hồ không bao giờ ỷ thế mình là Chủ tịch nước, là lãnh tụ của Đảng, để giành sự ưu tiên cho mình. Tôi được chứng kiến một lần vào cuối năm 1954, lúc tôi ở trong lực lượng thanh niên cò đở Hà Nội, thường ngày được huy động góp phần gìn giữ trật tự giao thông đường phố sau khi thủ đô được giải phóng. Một hôm, tôi đứng làm nhiệm vụ ở ngã tư Khâm Thiên. Hôm đó chủ nhật, gặp dịp trời trong, nắng đẹp, khí hậu ấm áp, dễ chịu, đường phố càng đông người qua lại. Tôi đang đứng làm nhiệm vụ thì có một xe ô-tô con đi đến đầu gần vì vừa lúc

đó có tín hiệu “đèn đỏ” báo xe dừng lại chờ. Xe dừng. Một người từ trong xe bước ra, đi đến chỗ tôi và đồng chí công an giao cảnh đứng, rồi nói nhỏ:

- Xe có khách quý, đề nghị bật tín hiệu “đèn xanh” ngay để cho xe qua?

Nghe vậy, tôi vội đưa mắt nhìn vào xe, thấy Bác Hồ ngồi trong đó. Mừng quá! Tôi định reo lên: “Bác Hồ! Bác Hồ!” Nhưng sực nhớ mình đang làm nhiệm vụ, tôi kìm lại và hiểu rằng nếu cho xe dừng lâu ở ngã tư đông người này, thế nào nhân dân cũng nhận ra và đến vây quanh chúc mừng sức khỏe Bác - ngăn sao được tình cảm của nhân dân đối với vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc. Tôi và đồng chí công an giao cảnh định làm theo lời đề nghị, nhưng ngay lúc đó, từ trong xe có tín hiệu báo lại “Không được làm vậy”. Thì ra, sau đó chúng tôi được biết rằng, hiểu được sự lo lắng của người cùng đi trong xe, Bác Hồ bảo đồng chí bảo vệ giơ tay ra hiệu ngăn lại. Rồi Bác nói với những người ngồi trong xe, đại ý: Các chú không nên bắt mọi người nhường quyền ưu tiên cho mình. Người này linh động được, người khác vịn vào đó cũng linh động tiếp, như vậy còn đâu luật lệ giao thông, kỷ cương phép nước. Bác cháu ta dù có chức, có quyền cao đến đâu, đều cũng như mọi người dân khác là phải tôn trọng và gương mẫu thực hiện luật pháp Nhà nước để ra. Nhà nước ta là của dân, do dân, vì dân.

Ngay trước ngày Bác đi xa - vẫn lời người trung tá về hưu - Hân nhiều người Hà Nội còn nhớ chuyện Bác Hồ đến bỏ phiếu, làm nghĩa vụ người công dân

của mình. Đó là ngày 27-4-1969. Các đường phố Thủ đô tưng bừng, nhộn nhịp trong ngày bầu cử Hội đồng nhân dân khu phố (nay là quận). Từ sáng sớm Bác Hồ đã có mặt ở hòm phiếu. Bác đội mũ lưỡi trai công nhân, đeo kính sáng gọng đen, bình thường như những cử tri khác. Cũng như bao nhiêu lần bầu cử trước đó, đến địa điểm, Bác làm đúng mọi thủ tục quy định như đưa thẻ cử tri cho ban bầu cử kiểm tra, vào sổ, đóng dấu đỏ bên cạnh hàng chữ Hồ Chí Minh. Sau khi nhận lại thẻ cử tri, phiếu bầu, Bác xem kỹ tên những người ứng cử và cùng với số cử tri đứng đợi ở phòng viết phiếu.

Thấy vậy, một cán bộ phụ trách tổ bầu cử đến mời Bác vào phòng viết phiếu để Bác khỏi chờ đợi lâu. Một phút đối với Bác làm được bao nhiêu việc, suy nghĩ được bao nhiêu vấn đề có ích cho Đảng, cho dân. Để Bác đứng chờ theo thứ tự "ai đến trước bỏ trước" như mọi cử tri sao được! Đồng chí tổ trưởng bầu cử lễ phép mời Bác vào trước. Nào ngờ Bác nhẹ nhàng trả lời lại:

- Trong phòng có người đang viết. Ai đến trước viết trước, Bác đến sau thì Bác chờ. Chú đừng lo.

Nghe Bác nói vậy, không khí trong phòng bầu cử vừa trở nên nghiêm túc, trật tự, vừa thoải mái, vui vẻ. Số cử tri mới đến tuổi thành niên, lần đầu tiên đi bầu cử, càng chăm chú nhìn từng động tác của Bác, lấy đó làm mẫu mực để thực hiện đúng nội quy luật lệ, thể hiện rõ nghĩa vụ và quyền của người công dân trong việc bầu cử. Số cử tri lớn tuổi, mặc dù đã có nhiều lần đi bỏ phiếu, nhưng chưa có lần

nào được cùng Bác đến bỏ phiếu như lần này, lại thấy rõ hành động rất gương mẫu của Bác, cho nên nét mặt người nào cũng lộ rõ niềm tự hào, vinh dự.

Chờ đến khi một bà cụ viết xong lá phiếu bầu và đi sang phòng đặt hòm phiếu, đến lượt mình, Bác mới vào phòng viết.

Thấy vậy, mấy đồng chí quay phim, nhiếp ảnh lặng lẽ đi đến đứng thập thò ngoài cửa phòng viết, định tranh thủ ghi lại hình ảnh Bác đang viết lá phiếu bầu. Thấy thế, Bác nói vọng ra ngay:

- Không ai được vào. Đây là phòng viết phiếu kín của cử tri.

Thế là các ông kính đành phải hạ xuống, người giãn ra. Và thật không ai ngờ hôm đó cũng là lần cuối cùng Bác Hồ đi làm nghĩa vụ người công dân như mọi cử tri bình thường khác của một nước Việt Nam độc lập, tự do mà Người đã có công đầu mở đường và xây dựng. Người chẳng hề tự dành cho mình quyền ưu tiên hơn mọi người khác.

*

* *

Nói đến ý thức tổ chức, kỷ luật - Nguyễn Sinh Định kể tiếp - Tôi lại nhớ đến một chi tiết cho mãi đến 35 năm sau kể từ hôm lần đầu tiên gặp Bác Hồ ở Chiêm Hoá, Việt Bắc, tôi mới hiểu được đầy đủ ý nghĩa của nó. Và càng nghĩ càng thấy Bác rất nghiêm khắc với bản thân về kỷ luật phát ngôn, tuyệt đối tuân theo tổ chức, tin ở tổ chức, không tùy tiện gặp đâu nói đấy, hoặc đem chuyện của tổ chức

ra “làm quà”, dù là với con cháu, những điều mình đã biết nhưng tổ chức chưa công bố hoặc chưa cho phép nói ra. Đó là hôm tôi gặp Bác ở Chiêm Hóa - Việt Bắc, Bác có hỏi tôi những người ở làng Sen cùng lứa tuổi thuở ấu thơ chơi khăng, nhẩy cò với Bác và một số người tham gia phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh năm 1930-1931, ai còn, ai mất. Tôi đã thưa với Bác, nào ông Xuân còn sống, ông Diên đã chết, riêng ông Thản không có tin tức. Nói đến đây, tôi thấy Bác chớp chớp mắt, thoáng một nét buồn. Tôi giật mình, nghĩ bụng: “Chắc có điều gì mình trả lời thất lễ với Bác?” Nhưng chỉ sau giây lát, như đoán được sự lo lắng của tôi, Bác nói nhỏ nhẹ, pha chút xúc động và cũng chỉ nói một lần với bốn chữ này thôi:

- Ừ! Thản không còn!

Rồi rất nhanh, Bác “lái” sự suy nghĩ của tôi sang những chuyện khác. Từ đó tôi cũng chẳng lưu ý đến chi tiết này. Nào ngờ, 35 năm sau, vào một ngày giữa quý hai năm 1987, trong lúc tôi đang làm các thủ tục giấy tờ để chuẩn bị về hưu thì nhận được giấy thông báo của Hội hữu nghị Việt-xô. Thông báo cho biết: đúng ngày 8-5-1987 tại số nhà 105 phố Quán Thánh - Hà Nội, Hội hữu nghị Việt - Xô sẽ tổ chức trao Huân chương chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Huy chương 40 năm chiến thắng phát xít và Huy hiệu cựu chiến binh Liên Xô của Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô truy tặng các chiến sĩ quốc tế Việt Nam: Vương Thúc Bình, Lý Thúc Chắt, Lý Nam Thanh, Lý An Tạo và Lý Phú San. Năm người

này là trong số thanh niên đầy hăng hái, có tinh thần yêu nước được Bác Hồ giới thiệu sang Liên Xô và vào học ở Trường Đại học Tổng hợp Cộng sản. Sau khi ra trường, theo phân công của tổ chức, một số người về nước hoạt động, một số vẫn tiếp tục sống và học tập ở Liên Xô. Khi phát xít Đức gây chiến tranh thế giới thứ hai, ào ạt đưa quân đánh vào Liên Xô, vào Thủ đô Mátxcova giữa mùa đông năm 1941 - 1942, năm thanh niên Việt Nam nói trên đã tình nguyện vào bộ đội Hồng quân của Lữ đoàn bộ binh quốc tế đặc biệt.

Tôi là một trong những đại diện thân nhân gia đình các liệt sĩ ấy được đến dự buổi lễ trọng thể đó. Lúc ấy tôi mới biết rõ ràng, cụ thể về chi tiết mà Bác Hồ nói nhỏ, nhanh, một lần ở Chiêm Hoá cách đây 35 năm "Ừ! Thản không còn?".

Thản, chính là Nguyễn Sinh Thản, cũng tức là liệt sĩ Lý Nam Thanh, một trong năm thanh niên Việt Nam được Bác Hồ dẫn dắt, giáo dục đưa đi làm cách mạng. Khi phát xít Hít-le gây chiến tranh thế giới thứ hai, ồ ạt tấn công Liên Xô, năm thanh niên Việt Nam ấy đã tình nguyện vào đội quân quốc tế, chiến đấu bên cạnh những chiến sĩ Hồng quân Liên Xô và đã anh dũng hy sinh trong trận chiến đấu oanh liệt bảo vệ Thủ đô Mátxcova.

Nói đến đây, Nguyễn Sinh Định định kể tiếp. Nhưng ông bạn về hưu, quê ở Hà Nội, vốn tính điềm đạm, đã nhẹ nhàng lên tiếng:

- Bác Hồ không những mẫu mực về giữ đúng kỷ luật phép nước, mà khi xuống cơ sở Người không hề

gây phiền hà, quan cách. Tôi còn nhớ mấy anh văn nghệ kể chuyện hôm Bác đến thăm chỗ ở của anh chị em văn công. Hôm đó đúng mùng hai Tết, người ở nhà ít, nhiều anh chị em bận đi phục vụ các công trường, xí nghiệp... nhân dịp vui mừng đầu xuân. Vào cổng, chẳng gặp ai, Bác thơ thẩn dạo quanh vườn. Bỗng nghe tiếng nhị réo rắt từ một căn nhà vọng ra, Bác lần bước tới. Vào nhà, Bác đã đứng sau lưng người đang ngồi kéo nhị mà người đó chẳng hay biết gì. Bác gật đầu tỏ ý khen hay và mến yêu người nghệ sĩ say sưa tập luyện. Chờ mãi tiếng nhị vẫn không ngừng vang lên, Bác đành phải lên tiếng:

- Chà! Hay quá!

Say sưa với động tác uyển chuyển của mình và tiếng bay bổng réo rắt khi thăng khi trầm của cái nhị vang lên, người kéo nhị không nghe rõ tiếng Bác, cứ làm thình.

Bác nói tiếp:

- Nghệ sĩ say sưa quá hê!

Tưởng là bạn bè đến chơi và đùa nghịch, người kéo nhị sẵn giọng:

- Đến chỉ tổ quấy phá... Đi... đi... để yên cho người ta tập!

Bác đặt nhẹ bàn tay ấn lên vai người kéo nhị như muốn báo cho anh biết là Bác đến thăm. Nhưng người kéo nhị vẫn mãi mê tập và vội vàng gạt bàn tay Bác ra khỏi vai mình, rồi quát to:

- Khổ quá! Quấy mãi thế!

Đến lúc này Bác mới bước lên đứng trước mặt người kéo nhị và cúi xuống hỏi:

- Chỉ có một mình chú ở nhà thôi à?

Người kéo nhị ngẩng nhìn lên, nhận ra Bác, vừa luýnh quính đứng dậy, vừa không giấu được sự vui mừng, liền chạy vào phòng gọi âm lên:

- Bác! Bác Hồ đến... anh em ơi...

Số người còn lại ở nhà vội chạy ra đứng vây quanh Bác. Bác lấy gói kẹo ra phân phát cho mọi người theo nguyên tắc “lớn thì một, trẻ ăn hai, bé được ba, bốn”. Rồi Bác nói chuyện với anh chị em nghệ sĩ. Buổi thăm hỏi, chuyện trò rất thoải mái đó, Bác không hề nhắc một tí gì về thái độ trước đó của người kéo nhị.

Cũng như một Tết khác - vẫn lời ông bạn hưu diễm đam - vào tối ba mươi, lúc Hà Nội vừa lên đèn, chợ hoa và các cửa hàng bách hóa, thực phẩm, còn tấp nập người qua lại mua sắm hàng Tết, Bác Hồ đến thăm gia đình một công nhân đứng tuổi làm việc ở Nhà máy Cao su Sao vàng. Thấy người chủ nhà đứng ngoảnh mặt vào bàn thờ, loay hoay bày đặt hương đèn, lọ hoa, ấm chén..., Bác đứng ngoài cửa chờ một lát. Sau đó Bác mới gõ cửa để vào nhà.

Không hề nghĩ đến chuyện nhà mình có Bác Hồ đến thăm, nhất là trong dịp Tết đến, người chủ nhà nói vọng ra:

- Xin mời vào.

Khi nhận ra Bác Hồ, đồng chí công nhân mừng quá luống cuống chào như một đứa trẻ:

- Bác! Bác! Chào Bác...

Các cháu nhỏ trong nhà đang ngồi xúm nhau bày chơi đồ hàng, nghe nói Bác Hồ đến, vội vàng bỏ mặc “mâm cỗ” đã bày sẵn, ríu rít chạy đến vây quanh Bác.

Sau khi chia kẹo cho từng cháu một, Bác hỏi các cháu Tết đến được bố mẹ mua sắm cho những gì. Cháu nào cũng khoe với Bác là có bánh chưng, có tranh Tết, có áo, quần mới. Nhìn lên bàn thờ thấy có sáu, bảy chiếc bánh chưng xanh, vài hộp mứt... Bác tỏ vẻ yên lòng.

Khi quay sang hỏi chuyện vợ đồng chí công nhân, biết hai mắt chị kém, không thể đi làm, nhưng ở nhà lo toan tốt mọi việc nội trợ. Bác động viên thêm:

- Cô ở nhà một mình, vừa nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa, vừa trông nom dạy bảo các cháu ngoan ngoãn, sạch sẽ, lễ phép, để cho chồng yên tâm lo sản xuất tốt ở nhà máy, như thế cũng là phụ nữ đảm đang.

Cả nhà cảm ơn Bác và ai cũng cảm thấy yên tâm, mặc dù không có sự chuẩn bị trước, mà bất ngờ được đón Bác, nhưng mọi việc Bác hỏi đều trả lời được và thấy Bác tỏ lòng vui mừng. Nhất là người chủ nhà - đồng chí công nhân đứng tuổi - từ một đứa trẻ bán nước với rong, lang thang thấp đường phố, rồi đi kéo quạt thuê cho trại lính Tây dưới chế độ cũ, nay thực sự là một công nhân giỏi của đất nước độc lập, Tết đến lại được vinh dự có Bác Hồ đến thăm và chúc mừng, có điểm phúc nào hơn.

Đồng chí định hứa nhiều với Bác là sẽ làm việc tốt hơn nữa cho nhà máy, cho Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, động viên gia đình thực hiện đầy đủ mọi quy định về nếp sống, văn minh ở thủ đô... Nhưng cảm động quá, đồng chí chỉ nói được vài câu. Nói xong, thấy Bác không hỏi gì thêm, đồng chí càng yên tâm là gia đình không có gì sơ suất phải làm Bác phiền lòng. Nhưng nào ngờ, khi tiễn Bác ra đến sân, tự nhiên thấy Bác dừng lại và hỏi đồng chí:

- Nhà chú ở thuộc ai quản lý?

- Thưa Bác! Công ty sửa chữa nhà cửa thành phố quản lý.

- Chú bảo họ đến sửa chữa, vì nền nhà đã rộp, gỗ cầu thang đã có tấm mục, vênh...

Đồng chí công nhân vội vàng đưa tay chỉ đồng vôi cát để ở gần cửa ra vào và trả lời Bác:

- Thưa Bác! Công ty sửa chữa nhà cửa đã chuẩn bị vật liệu ở đây rồi ạ?

- Sao chưa cho sửa...?

- Họ đang chờ cùng chữa một lúc với mấy nhà bên cạnh.

Bác nhìn kỹ đồng vôi, cát rồi quay sang bảo đồng chí đại diện Ủy ban nhân dân thành phố cùng đi theo Bác:

- Chú nhắc công ty đến sửa chữa ngay đi, còn chờ gì nữa, chuẩn bị rồi mà cứ để mãi thế này vừa hao dần vật liệu, vừa gây trở ngại lối đi và ngộ nhỡ các cụ già, các cháu nhỏ vấp ngã thì sao?